

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 62/2020/DS-PT

Ngày 30/3/2020

“V/v: Tranh chấp quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huồn
Các thẩm phán: Ông Y Phi Khuê và bà Lưu Thị Thu Hương
-Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng là Thư ký Tòa án
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Chí Hiếu- Kiểm sát viên

Mở phiên tòa ngày 30/3/2020, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2019/TLPT-DS ngày 09/12/2019 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”; Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2020/QĐXXPT-DS ngày 05/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2020/QĐ-PT ngày 05/3/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc L và Nguyễn Thị H- Có mặt
Địa chỉ: Thôn Đ, xã EK, huyện E, tỉnh Đắk Lắk
Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Ngọc L (theo văn bản uỷ quyền ngày 22/01/2018).

Bị đơn: Ông Phạm Đình K và bà Trần Thị PH - Có mặt
Địa chỉ: Thôn Đ, xã EK, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị PH: Ông Phạm Đình K (theo văn bản uỷ quyền ngày 16/11/2016)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng T
Địa chỉ: Số 266 - 268 đường N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình L1- Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch huyện E (theo văn bản uỷ quyền ngày 10/12/2018) - Vắng mặt
Địa chỉ: Số 164 đường NT, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/6/2016 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị H trình bày: Tháng 5/1999, vợ chồng ông, bà chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phạm Đình K, bà Trần Thị PH thửa đất số 249, tờ bản đồ số 5, có diện tích 4.050m², trên đất trồng cây Cà Phê và thửa đất số 258, tờ bản đồ số 5, đất trồng lúa, có diện tích 865m² (nay là thửa đất số 131, 149, tờ bản đồ số 57); Hai thửa đất nêu trên thuộc thôn Đ, xã EK, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Hướng Bắc và hướng Tây Bắc thửa đất số 131 của gia đình ông K, giáp với các thửa đất số 103, 124, của vợ chồng ông bà; hướng Tây thửa đất số 131 giáp với các thửa đất số 130, 148, của vợ chồng ông bà; hướng Tây Bắc thửa đất số 149 của gia đình ông K, giáp với thửa đất số 148 của vợ chồng ông bà; 06 thửa đất nêu trên có nguồn gốc do vợ chồng ông, bà khai hoang. Tại thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất, 06 thửa đất nêu trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Vợ chồng ông K, bà PH đã thanh toán đầy đủ cho vợ chồng ông, bà tiền nhận chuyển nhượng thửa đất số 131, 149; Vợ chồng ông, bà đã chuyển giao hai thửa đất nêu cho vợ chồng ông K quản lý sử dụng từ năm 1999. Vợ chồng ông K đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/8/1999; Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông K, ghi thửa đất số 131 diện tích 4.050m², thửa đất số 149 diện tích 865m²; Ngày 05/8/1999, vợ chồng ông, bà cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các thửa đất số 103, 124, 130, 148; Qua trình sử dụng thửa đất số 131 và thửa đất 149, gia đình ông K lấn chiếm sang 04 thửa đất nêu trên của vợ chồng ông, bà; Năm 2007, gia đình ông K xây nhà ở trên diện tích đất lấn chiếm. Tuy nhiên tại thời điểm này, ranh giới giữa các thửa đất khó xác định, nên vợ chồng ông, bà chỉ nói với ông K về việc lấn chiếm, chứ không khiếu nại.

Năm 2013, nhà nước đo đạc lại diện tích các thửa đất, thì diện tích thửa đất số 131 và thửa đất số 149 của vợ chồng ông K, lớn hơn diện tích được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho gia đình ông K. Vì vậy, ông và bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông K phải trả lại cho vợ chồng ông bà diện tích đất lấn chiếm thuộc thửa đất số 131 là 1.612,5m² và diện tích đất lấn chiếm thuộc thửa đất số 149 là 314,5m².

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm Đình K và bà Trần Thị PH trình bày: Năm 1999, vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng thửa đất số 131 và thửa đất số 149 của vợ chồng ông L, bà H; Vợ chồng ông L chuyển giao đất cho vợ chồng ông bà theo mốc giới, đường biên để sử dụng, không đo đạc diện tích đất chuyển nhượng; Tại thời điểm chuyển nhượng, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông bà đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/8/1999, ghi thửa đất số 131 có diện tích 4.050m² và thửa đất 149 có diện tích 865m²; Năm 2002, ông L đào con mương nước dài 60m, rộng 01m, sâu 70cm trên ranh giới giữa thửa đất số

131 và thửa đất số 103, gây sạt lở đất của vợ chồng ông bà, nên vợ chồng ông bà đã xây bức tường ranh giới giữa hai thửa đất từ năm 2002; Quá trình sử dụng hai thửa đất nêu trên, vợ chồng ông bà không lấn chiếm sang đất của vợ chồng ông L; Năm 1999 - 2000, vợ chồng ông bà trồng cây Điều xung quanh thửa đất số 131, cách đường ranh giới 2m và bên trong trồng cây Cà Phê; Năm 2005, vợ chồng ông bà xây nhà ở trên thửa đất số 131, vợ chồng ông L không có ý kiến gì; Năm 2014, nhà nước đo đạc lại toàn bộ diện tích các thửa đất của các hộ dân, thì diện tích hai thửa đất nêu trên của vợ chồng ông bà lớn hơn diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Vợ chồng ông, bà sử dụng ổn định hai thửa đất nêu trên 17 năm và không có tranh chấp. Vì vậy, vợ chồng ông, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông L, bà H. Tháng 4/2019, vợ chồng ông, bà thế chấp quyền sử dụng đất hai thửa đất nêu trên cho Ngân hàng T tại Phòng giao dịch huyện E, để vay 60.000.000đ.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng T trình bày: Ngày 03/4/2019, vợ chồng ông Phạm Đình K, bà Trần Thị PH vay Ngân hàng 60.000.000đ tại Phòng giao dịch huyện E và thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất thửa đất số 249 và thửa đất 258, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 131, 149, tờ bản đồ số 57) tại thôn Đ, xã EK, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ số tiền đã vay; Việc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Thị H khởi kiện vợ chồng ông K, bà PH diện tích đất lấn chiếm thuộc hai thửa đất nêu trên, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của TAND huyện Ea Kar đã áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 BLTTDS; khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 170 Luật đất đai.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phạm Đình K và bà Trần Thị PH phải trả cho ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị H giá trị 1.927m² đất lấn chiếm là 98.122.500đ, gồm: Thửa đất số 249, diện tích đất lấn chiếm 1.612,5m² nằm bao bọc xung quanh hai cạnh phía Bắc và phía Tây của thửa đất số 249; Thửa đất số 258, diện tích đất lấn chiếm 314,5m² nằm phía Bắc của thửa đất số 258.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 19/9/2019, nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc L có đơn kháng cáo cho rằng: Vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng Phạm Đình K, bà Trần Thị PH trả lại diện tích đất lấn chiếm 1.927m² nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc vợ chồng ông K, bà PH trả lại cho vợ chồng giá trị diện tích đất lấn chiếm là không đúng yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc vợ chồng ông K trả lại cho vợ chồng ông diện tích đất lấn chiếm.

Ngày 19/9/2019, bị đơn là ông Phạm Đình K có đơn kháng cáo cho rằng: Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất số 131 và thửa đất số 149 từ vợ chồng ông L, vợ chồng ông sử dụng đất đúng mốc giới và đường biên của thửa đất, không lấn sang diện tích đất của vợ chồng ông L và làm nhà ở bằng gỗ trên thửa đất số 131 từ năm 1999; Năm 2005, gia đình ông xây nhà kiên cố trên thửa đất số 131, ông L tham dự và chúc mừng gia đình ông ngày về ở nhà mới; Năm 2014, nhà nước đo đạc lại diện tích các thửa đất của các hộ dân, ông L thấy diện tích thực tế của 02 thửa đất nêu trên của gia đình ông, lớn hơn diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ đó cho rằng gia đình ông lấn chiếm sang đất của ông L là không đúng. Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông L, là không đúng, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc L và bị đơn là ông Phạm Đình K, VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Thửa đất số 249 và thửa đất số 258, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 131 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 57), tại thôn Đ, xã EK, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc do vợ chồng ông K nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông L từ năm 1999; Ông K kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/8/1999, ghi thửa đất số 131 diện tích 4.050m², thửa đất số 149 diện tích 865m². Tuy nhiên, kết quả đo đạc năm 2013, diện tích các thửa đất số 131, 149 lớn hơn diện tích được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông K; Toà án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông K phải trả cho vợ chồng ông L giá trị 1.927m² đất lấn chiếm là đúng pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả định giá tài sản, thì giá trị 1.927m² đất thuộc thửa đất số 131, 149 là 99.827.500đ nhưng Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử có giá trị 98.122.500đ là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông L, sửa bản án sơ thẩm, buộc vợ chồng ông K phải trả cho vợ chồng ông L giá trị 1.927m² đất lấn chiếm là 99.827.500đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn còn trong hạn, nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Thửa đất số 249 và thửa đất số 258, tờ bản đồ số 05 (nay là thửa đất số 131 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 57) tại thôn Đ, xã EK,

huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc do vợ chồng ông Phạm Đình K, bà Trần Thị PH nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Thị H vào năm 1999; Các bên không lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng đều thừa nhận đã thanh toán xong tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chuyển giao đất cho nhau trên thực địa từ năm 1999. Ngày 11/01/1999, ông K có đơn đăng ký quyền sử dụng đất hai thửa đất nêu trên và kê khai thửa đất số 131 diện tích 4.050m², thửa đất số 149 diện tích 865m²; về nguồn gốc, ông K kê khai là đất khai hoang năm 1990. Ngày 05/8/1999, UBND huyện E cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông K hai thửa đất nêu trên, đúng với diện tích đất mà ông K đã kê khai.

Năm 2013, cơ quan quản lý đất đai đo đạc lại các thửa đất tại thôn Đ, xã EK, thì thửa đất số 131 có diện tích 5.793,8m², thửa đất số 149 có diện tích 1.087,8m². Căn cứ trích lục bản đồ đo đạc năm 2013 và biên bản thẩm định tại chỗ, thửa đất số 131 có tứ cận: hướng Đông giáp thửa đất số 121 của bà Lê Thị T có cạnh dài 77,7m; hướng Bắc giáp đường đi có cạnh dài 4,8m; hướng Tây Bắc lần lượt giáp thửa đất 103 của gia đình ông L cạnh dài 32,7m; giáp thửa đất số 124 của gia đình ông L có cạnh dài 74,3m và giáp thửa đất số 130 của gia đình ông L có cạnh dài 5,9m; hướng Tây giáp với thửa đất số 148 của gia đình ông L có cạnh dài 20,7m và giáp thửa đất số 149 của gia đình ông K có cạnh dài 40,9m; hướng Nam giáp thửa đất số 139 của bà Phạm Thị K1 có cạnh dài 66,3m.

Thửa đất số 149 của gia đình ông K có tứ cận: hướng Đông giáp thửa đất số 131 của gia đình ông K có cạnh dài 40,9m; hướng Tây giáp khe suối có cạnh dài 34,6m; hướng Bắc giáp thửa đất số 148 của gia đình ông L có cạnh dài 34,1m; hướng Nam giáp thửa đất số 157 của bà Phạm Thị K1 có cạnh dài 21,8m.

[3] Vợ chồng ông L khởi kiện cho rằng: Sau khi cơ quan quản lý đất đai công bố kết quả đo đạc các thửa đất tại thôn Đ vào năm 2013, gia đình ông mới biết gia đình ông K lấn chiếm sang các thửa đất số 103, 124, 130 và 148 của gia đình ông, với lý do: Diện tích các thửa đất số 131, 149 của gia đình ông K được đo đạc năm 2013 lớn hơn diện tích được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông K vào năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng ông K kê khai diện tích đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 131 diện tích 4.050m², thửa đất số 149 diện tích 865m², nên gia đình ông K chỉ được quyền sử dụng diện tích đất được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được phép sử dụng diện tích đất lớn hơn; Từ đó tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông K phải thanh toán cho vợ chồng ông L giá trị quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất lớn hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông K. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông L, gia đình ông K sử dụng đất ổn định, trồng cây lâu năm, xây nhà ở kiên cố trên đất từ năm 1999 đến năm 2013 và không có tranh chấp; Căn cứ vào biên bản

thẩm định tại chỗ, thì ranh giới giữa thửa đất số 131 của gia đình ông K và thửa đất số 103 của gia đình ông L là mương thoát nước có cạnh dài 32,7m; Trên đường ranh giới giữa thửa đất số 131 của gia đình ông K và thửa đất số 124, 130 của gia đình ông L, ông K trồng hàng cây Điều có đường kính từ 27cm đến 45cm; Đây ranh giới giữa thửa đất số 131 của gia đình ông K và các thửa đất số 103, 124, 131 của gia đình ông L, mà các bên thoả thuận trong quá trình sử dụng đất và không có tranh chấp từ năm 1999 đến năm 2013, được quy định tại khoản 1 Điều 265 BLDS năm 2005 và khoản 11 Điều 4 Luật đất đai năm 2003; Quá trình sử dụng thửa đất số 149, gia đình ông K cũng không lấn chiếm sang thửa đất số 148 của gia đình ông L. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị H về việc buộc vợ chồng ông Phạm Đình K, bà Trần Thị PH phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 1.612,5m² thuộc thửa đất số 131 và diện tích đất lấn chiếm 314,5m² thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 57, tại thôn Đ, xã EK, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (thửa đất số 248, 258, tờ bản đồ số 05 cũ)

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L bà Nguyễn Thị H không được Toà án chấp nhận, nên ông L và bà H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của L, bà H và yêu cầu kháng cáo của ông L không được Toà án chấp nhận, ông L và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; ông Phạm Đình K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc L; Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Phạm Đình K; Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 265 BLDS năm 2005; khoản 11 Điều 4 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 BLTTDS; khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị H về việc buộc vợ chồng ông Phạm Đình K, bà Trần Thị PH phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 1.612,5m² thuộc thửa đất số 131 và diện tích đất lấn chiếm 314,5m² thuộc thửa đất số 149, tờ bản đồ số 57, tại thôn Đ, xã EK, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (thửa đất số 248, 258, tờ bản đồ số 05 cũ).

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị H, phải chịu 9.383.481đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 2.000.000đ tiền chi phí định giá tài sản; Tổng cộng 11.383.481đ và được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng chi phí mà ông L đã nộp.

Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị H phải chịu 4.906.125đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.059.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số: 0036536 ngày 04/10/2016 và 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số: 0013376 ngày 19/9/2019, của Chi cục thi hành án dân sự huyện E; ông L và bà H còn phải nộp 3.547.125đ tiền án phí.

Ông Nguyễn Ngọc L, ông Phạm Đình K không phải chịu án phí dân sự phúc Thẩm; Ông K được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số:0013374 ngày 19/9/2019, của Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện E;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huồn

